TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-PT
Ngày: 23-01-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thanh Chín.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quản;

Ông Đặng Văn Cường.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Nguyễn Thị Hằng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 13/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

-*Bị đơn:* Bà Võ Thị Tr, sinh năm 1978.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1/ Bà Võ Thị V, sinh năm 1980- Là đại diện theo ủy quyền. Theo Giấy ủy quyền ngày 03/5/2018.

2/ Ông Võ Tấn Th, sinh năm 1952- Là đại diện theo ủy quyền. Theo Giấy ủy quyền ngày 18/01/2019.

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

-*Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957.

- Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1984.

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

-*Người kháng cáo*: Bị đơn bà Võ Thị Tr.

Đương sự có mặt: Bà Phạm Thị C, bà Võ Thị Tr, ông Võ Tấn Th.

Đương sự vắng mặt: Bà Võ Thị V.

Những người làm chứng: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

Trong đơn khởi kiện, bản khai nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày:

Khoảng tháng 4/2012, được sự giới thiệu của người quen là ông Nguyễn Văn Đ; bà hỏi mua của bà Tr diện tích đất khoảng 7 mét ngang, dài khoảng hơn 40 mét tại khu vực xóm BĐ, thuộc Xóm 2, Thôn 4, xã A với giá chuyển nhượng là 24.000.000 đồng. Bà giao trước cho bà Tr 20.000.000 đồng và hai bên viết "Giấy sang nhượng đất thổ cư", được ông Nguyễn Văn T là Thôn trưởng Thôn 4, xã A xác nhận chứ chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau đó bà Tr yêu cầu bà đưa thêm 2 lần, số tiền 3.000.000 đồng để bà Tr làm thủ tục sang tên cho bà nhưng hai bên không lập giấy tờ. Chờ một thời gian nhưng không thấy có giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất nên đến năm 2013, bà gặp bà Tr để trả lại đất và nhận lại tiền đã giao nhưng bà Tr không đồng ý. Đến đầu năm 2014, Ủy ban nhân dân xã A thông báo bán đấu giá đất nền phân lô tại khu vực đất bà Tr đã sang nhượng cho bà. Lúc này bà liên hệ với bà Tr đứng ra làm thủ tục đấu giá, nộp tiền cho Nhà nước nhưng bà Tr không thực hiện nên bà phải trực tiếp đứng tên đấu giá lô đất đã nhận chuyển nhượng của bà Tr, nộp tiền trúng đấu giá 17.800.000 đồng thì mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, với một thửa đất nhưng bà phải bỏ ra hai lần tiền mới được quyền sử dụng. Bà nhiều lần liên hệ với bà Tr để thỏa thuận giải quyết nhưng bà Tr cho rằng đất đã sang nhượng và nhận tiền thì không có trách nhiệm phải trả lại tiền cho bà.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Tr phải có nghĩa vụ trả lại cho bà 22.000.000 đồng là tiền mà bà C đã giao cho bà Tr trong việc thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên từ năm 2012; tiền lãi phát sinh tính từ tháng 4/2012 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định trên số tiền gốc 22.000.000 đồng chậm trả và tiền chi phí thẩm định bà đã bỏ ra trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Võ Thị Tr trình bày:

Bà công nhận vào năm 2012 có sang nhượng cho bà C diện tích đất mà trước đó bà Tr được Ủy ban nhân dân xã A hứa sẽ hoán đổi cho bà Tr khi bà

hiến đất làm đường giao thông nông thôn; lô đất tại khu dân cư BĐ thuộc Xóm 2, Thôn 4, xã A. Giá thỏa thuận sang nhượng là 24.000.000 đồng, bên mua phải chịu trách nhiệm trả tiền chi phí làm thủ tục sang tên và có nhờ cha bà là ông Võ Tấn Th viết giấy sang nhượng đất thổ cư. Bà C giao trước cho bà số tiền 20.000.000 đồng, sau đó giao tiếp 2.000.000đồng, còn việc bà C làm thủ tục sổ đỏ như thế nào bà Tr không rõ. Bà Tr không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C. Lý do: Khi thỏa thuận sang nhượng đất, hai bên đã thống nhất bà C sẽ phải chịu các chi phí để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên nên việc bà C phải tiếp tục bỏ tiền ra đấu giá đất là trách nhiệm của bà C; bà C cho rằng phải bỏ tiền ra đấu giá lại đất thì phải đấu lô khác chứ không phải lô đất đã mua của bà; gia đình bà Tr cũng không được ai báo để làm thủ tục đấu giá nên không biết. Từ đó bà không chịu trách nhiệm trả tiền lại cho bà C và hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn, cũng không có điều kiện để trả lại tiền cho bà C.

Sau khi hòa giải không thành.

Ngày 13/9/2018 Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 35/2018/DS-ST, Quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 156, 157, 158, 203; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 122, 127, 137, khoản 2 Điều 305; các Điều 401, 689, 697, 698 và 699 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều 9, 10; khoản 1 Điều 106, Điều 127 và 137 Luật đất đai năm 2003.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị C. Tuyên bố giao dịch dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 10/4/2012 giữa bà Võ Thị Tr với bà Phạm Thị C theo "Giấy sang nhượng đất thổ cư" là giao dịch dân sự vô hiệu.

Buộc bà Võ Thị Tr phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Phạm Thị C số tiền đã nhận trong quá trình thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 22.000.000 đồng.

- Buộc bà Võ Thị Tr phải chịu tiền chi phí thẩm định tài sản. Bà Tr có nghĩa vụ phải trả lại cho bà C số tiền 400.000 đồng chi phí thẩm định tài sản.

-Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị C về việc yêu cầu bà Võ Thị Tr phải trả tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền nhận chuyển nhượng đất đai.

Về án phí:

- Buộc bà Võ Thị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (tranh chấp không có giá ngạch) và 1.120.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Phạm Thị C phải nộp 635.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 575.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012414, ngày 08/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; bà C còn phải nộp 60.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2018 bị đơn bà Võ Thị Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung và yêu cầu kháng cáo: Năm 2009 Ủy ban nhân dân xã A, huyện B có mở một con đường nông thôn mới phía sau Ủy ban nhân dân xã và vận động người dân hiến đất làm đường. Bà đồng ý dỡ bỏ một phần ngôi nhà đang ở và hiến một phần đất để làm đường. Ủy ban nhân dân xã thấy hoàn cảnh gia đình bà khó khăn và không còn đủ đất để làm nhà nên có chủ trương cấp hoán đổi cho bà lô đất theo diện ưu tiên là lô 30c tại Xóm 2, Thôn 4, xã A.

Ủy ban nhân dân xã A cung cấp thông tin cho Tòa án không đúng sự thật, vì: Ông Phan Văn L cán bộ địa chính xã và ông Nguyễn Văn T trưởng thôn dẫn bà lên cắm mốc và chỉ đất hoán đổi cho bà. Bà Võ Thị Tr là nông dân, ít học, không hiểu biết nhiều, tin tưởng vào chính quyền khi được giao đất và bảo cứ làm nhà, sau này ưu tiên làm sổ. Năm 2012 chồng lâm bệnh hiểm nghèo (ung thư gan) không có tiền chạy chữa nên bà đã bán lô đất này cho bà C và nói rõ về lô đất trong giấy mua bán. Bà không đủ trình độ, bản lĩnh lấy đất của Nhà nước, của dân đem bán lấy tiền bỏ túi.

Bà C thỏa thuận với Ủy ban nhân dân xã A bỏ tiền ra đấu giá tại sao không cho bà biết, yêu cầu Tòa án làm rõ tại sao khi phát hiện sự việc bà C không trực tiếp liên hệ với bà để giải quyết mà đến khi đã hoàn thành mọi thủ tục hợp pháp rồi mới kiện bà, làm rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã A không liên hệ bà khi tổ chức đấu giá. Tại sao Ủy ban nhân dân xã A lấy đất, dỡ bỏ một phần ngôi nhà của bà hoán đổi đất cho bà nhưng lại phủ nhận. Quyết định tuyên xử của Tòa án nhân dân huyện B buộc bà trả lại số tiền 22.000.000đồng cho bà C cảm thấy không công bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn Võ Thị Tr không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Tr; nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bà Võ Thị V vắng mặt nhưng có mặt bà Võ Thị Tr, vắng mặt những người làm chứng, đương sự có mặt đề nghị tiến hành phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Phạm Thị C khởi kiện bị đơn bà Võ Thị Tr có địa chỉ tại huyện B yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên nhận chuyển nhượng là bà Phạm Thị C và bên chuyển nhượng là bà Võ Thị Tr vô hiệu, yêu cầu bà Võ Thị Tr trả lại tiền đã nhận là 22.000.000đồng. Tòa án nhân dân huyện B căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh là đúng pháp luật.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, xác định: Ngày 10/4/2012, bà Tr thỏa thuận chuyển nhượng cho bà C diện tích đất 7 mét chiều ngang tại khu dân cư BĐ, thuộc Xóm 2, Thôn 4, xã A; có vị trí phía Đông giáp đất bà Trần Thị A, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Ngh, phía Nam giáp đường nông thôn và phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn S (là lô đất số 30C thuộc khu C - quy hoạch điểm dân cư Thôn 4, xã A); giá chuyển nhượng thỏa thuận là 24.000.000đồng. Hai bên lập "Giấy sang nhượng đất thổ cư", có ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đình H làm chứng ký trong giấy và ông Nguyễn Văn T là Thôn trưởng Thôn 4, xã A xác nhận nội dung chuyển nhượng, đến khi tranh chấp chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau khi thỏa thuận, bên nhận chuyển nhượng là bà C giao 22.000.000đồng cho bên chuyển nhượng là bà Tr.

Xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Tr, thấy rằng: Về nội dung của giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 thì người sử dụng đất là cá nhân là người được Nhà nước giao đất, cho thuê quyền sử dụng đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Nhà nước đảm bảo quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc khác, Khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2003 và Điều 697, 699 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định người sử dụng đất chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp cho người khác thì phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật đất đai và quá trình chuyển nhượng phải có nghĩa vụ giao các giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng.

Kết quả thu thập chứng cứ tại văn bản số 148/UBND ngày 13/8/2018 (Bút lục số 89) của Ủy ban nhân dân xã A và các tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ thể hiện trước khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà C thì bà Tr chỉ

được ban vận động của Thôn 4, xã A vận động hiến đất cho địa phương để mở rộng đường nông thôn chứ không có chủ trương hoán đổi đất khác cho bà Tr khi bà Tr hiến đất cho chính quyền; bà Tr muốn được quyền sử dụng đất thì cũng phải đăng ký và làm thủ tục đấu giá theo quy định giống như những hộ dân khác.

Bà Võ Thị Tr thừa nhận, xác nhận tại thời điểm bà Tr thỏa thuận chuyển nhượng đất cho bà C, bà Tr chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có giấy tờ về đất theo Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 nên bà Tr không phải là người sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất đã thỏa thuận chuyển nhượng cho bà C. Do đó, bà Tr không được quyền chuyển nhượng thửa đất này cho bà C.

Hiện tại bà C đang là người sử dụng thửa đất nhưng không phải phát sinh quyền lợi từ việc nhận chuyển nhượng đất từ bà Tr mà bà C được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua thủ tục đấu giá công khai.

Về hình thức của giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Xét việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Tr với bà C vào ngày 10/4/2012 lập bằng giấy viết tay; không làm thủ tục và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên vi phạm về trình tự, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy định tại điều 127 Luật Đất đai năm 2003 và vi phạm về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được quy định tại các Điều 401, 689 và 698 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Từ những phân tích trên, xét thấy giao dịch dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Tr với bà C vi phạm cả về nội dung lẫn hình thức; không tuân thủ đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Tr với bà C theo "Giấy sang nhượng đất thổ cư" ngày 10/4/2012 là giao dịch dân sự vô hiệu, phù hợp với quy định tại Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2005. Giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự bị vô hiệu theo quy định tại Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì các bên phải hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận; theo đó cần buộc bà Tr phải trả lại cho bà C số tiền 22.000.000đồng đã nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà C là đúng pháp luật. Đối với diện tích đất chuyển nhượng bà C không phải trả lại cho bà Tr vì đất do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C là người trúng đấu giá đất.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy bản án dân sự sơ thẩm do Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên là đúng pháp luật. Bà Tr kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh nên kháng cáo của bà Võ Thị Tr không có cơ sở chấp nhận; Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Kháng cáo của bà Võ Thị Tr không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị Tr; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 13/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 156, 157, 158, 203; Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 122, 127, 137, Khoản 2 Điều 305; các Điều 401, 689, 697, 698 và 699 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Các Điều 9, 10; Khoản 1 Điều 106, Điều 127 và 137 Luật Đất đai năm 2003.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C. Tuyên bố giao dịch dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10/4/2012 giữa bà Võ Thị Tr với bà Phạm Thị C theo "Giấy sang nhượng đất thổ cư" là giao dịch dân sự vô hiệu.

Buộc bà Võ Thị Tr phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Phạm Thị C số tiền đã nhận trong quá trình thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 22.000.000đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

- Buộc bà Võ Thị Tr phải chịu tiền chi phí thẩm định tài sản. Bà Tr có nghĩa vụ phải trả lại cho bà C số tiền 400.000đồng chi phí thẩm định tài sản.

-Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị C về việc yêu cầu bà Võ Thị Tr phải trả tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền nhận chuyển nhượng đất đai.

Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Võ Thị Tr phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (tranh chấp không có giá ngạch) và 1.120.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Phạm Thị C phải nộp 635.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 575.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012414, ngày 08/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; bà C còn phải nộp 60.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm:

Bà Võ Thị Tr phải nộp 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0012875 ngày 28/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Thuận. Đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/01/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
-VKSND tỉnh Bình Thuận;
-TAND huyện B;
-THADS huyện B;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thanh Chín